

**BẢN MÔ TẢ**

**Chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ**

**Ngành: Giáo dục tiểu học**

*(Ban hành theo Quyết định số 2381 /QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 9 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

**I. Thông tin chung**

1. Tên ngành: **Giáo dục tiểu học**

Tên tiếng Việt: **Primary Education**

Tên tiếng Anh:

2. Mã số ngành đào tạo:

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân Giáo dục tiểu học

Tên tiếng Anh: Bachelor of Primary Education

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Giáo dục

7. Chương trình đối sánh: *(Ghi rõ các chương trình đối sánh trong nước và nước ngoài)*

8. Hình thức đào tạo: Chính quy - Tập trung

9. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

10. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT

- Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 200 sinh viên/năm.

11. Điều kiện nhập học

- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Giáo dục tiểu học

- Đảm bảo đủ sức khỏe theo quy định cho các ngành nghề đào tạo.

12. Điều kiện tốt nghiệp

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ 125 tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo

- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên *(theo thang điểm 4)*.

- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt

Nam hoặc tương đương (*Riêng ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh yêu cầu đạt trình độ tiếng Anh bậc 5 và tiếng Pháp bậc 3*);

- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định;
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất.

13. Ngày tháng ban hành:

14. Phiên bản chỉnh sửa: (Ghi rõ lần thứ mấy, ngày ... tháng... năm...)

## **II. Mục tiêu chương trình đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học có: kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục ngành Giáo dục tiểu học; khả năng hình thành ý tưởng (*Conceive*), thiết kế (*Design*), thực hiện (*Implement*) và đánh giá (*Evaluate*) chương trình Giáo dục tiểu học trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học có:

<b>1.</b>	<b>Kiến thức và lập luận ngành (Giáo dục tiểu học)</b>
1.1.	Kiến thức nền tảng chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành
1.3.	Kiến thức chuyên ngành
<b>2.</b>	<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>
2.1.	Kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề
2.2.	Khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức
2.3.	Khả năng tư duy hệ thống
2.4.	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân
2.5.	Kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp
<b>3.</b>	<b>Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp</b>
3.1.	Kỹ năng làm việc nhóm
3.2.	Kỹ năng giao tiếp
3.3.	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ
<b>4.</b>	<b>Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá chương trình Giáo dục tiểu học</b>
4.1.	Nhận thức bối cảnh xã hội và giáo dục
4.2.	Nhận thức bối cảnh nhà trường
4.3.	Hình thành ý tưởng chương trình Giáo dục tiểu học
4.4.	Thiết kế chương trình Giáo dục tiểu học
4.5.	Thực hiện chương trình Giáo dục tiểu học
4.6.	Đánh giá và cải tiến chương trình Giáo dục tiểu học

**III. Chuẩn đầu ra**

<b>TT</b>	<b>CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA</b>	<b>TĐNL</b>
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội</b>	
1.1.1	<i>Hiểu</i> kiến thức chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh	2.5
1.1.2	<i>Áp dụng</i> kiến thức khoa học tự nhiên	3.0
1.1.3	<i>Áp dụng</i> kiến thức khoa học xã hội	3.0
1.1.4	<i>Áp dụng</i> kiến thức tâm lí học, giáo dục học	3.0
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	
1.2.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức toán học	3.0
1.2.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức ngôn ngữ và văn học	3.0
1.2.3	<i>Vận dụng</i> kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội	3.0
1.2.4	<i>Hiểu biết</i> cơ bản âm nhạc, mỹ thuật	2.5
1.2.5	<i>Hiểu biết</i> cơ bản thủ công - kỹ thuật	2.5
1.2.6	<i>Vận dụng</i> kiến thức tâm lý học tiểu học, giáo dục học tiểu học	3.0
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	
1.3.1	<i>Áp dụng</i> kiến thức lý luận và phương pháp dạy học Toán	3.5
1.3.2	<i>Áp dụng</i> kiến thức lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt	4.0
1.3.3	<i>Áp dụng</i> kiến thức lý luận và phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	4.0
1.3.4	<i>Áp dụng</i> kiến thức phương pháp giáo dục lối sống	3.0
1.3.5	<i>Áp dụng</i> kiến thức phương pháp giáo dục nghệ thuật	3.0
1.3.6	<i>Áp dụng</i> kiến thức phương pháp dạy học kỹ thuật	3.0
1.3.7	<i>Áp dụng</i> kiến thức phương pháp dạy học thể dục, thể thao	3.0
1.3.8	<i>Áp dụng</i> kiến thức về phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3.0
1.3.9	<i>Vận dụng</i> kiến thức phát triển chương trình Giáo dục tiểu học	3.0
1.3.10	<i>Sử dụng</i> kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3.5
1.3.11	<i>Sử dụng</i> kiến thức phương tiện - kỹ thuật dạy học	3.0
<b>2</b>	<b>KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>2.1</b>	<b>Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề</b>	
2.1.1	<i>Xác định</i> vấn đề	3.0
2.1.2	<i>Phân tích</i> bối cảnh và nguyên nhân vấn đề	3.0
2.1.3	<i>Suy luận</i> và <i>giải quyết</i> vấn đề	3.0
2.1.4	<i>Đánh giá</i> giải pháp/phương pháp thực hiện và đề xuất, khuyến nghị	3.5
<b>2.2</b>	<b>Khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức</b>	

2.2.1	<i>Xây dựng</i> giả thuyết nghiên cứu	3.0
2.2.2	<i>Thu thập</i> thông tin qua tài liệu	3.0
2.2.3	<i>Điều tra, thực nghiệm, giải quyết</i> vấn đề nghiên cứu	3.0
2.2.4	<i>Công bố</i> kết quả nghiên cứu	3.0
<b>2.3</b>	<b>Khả năng tư duy hệ thống</b>	
2.3.1	<i>Nhận diện</i> hệ thống	2.5
2.3.2	<i>Phân tích</i> mối quan hệ của các thành phần trong hệ thống	3.0
2.3.3	<i>Phân loại, sắp xếp</i> thứ tự ưu tiên trong hệ thống	3.0
2.3.4	<i>Đánh giá</i> tính tối ưu và linh hoạt trong giải quyết	3.5
<b>2.4</b>	<b>Kỹ năng và phẩm chất cá nhân</b>	
2.4.1	Tự nhận thức bản thân	3.0
2.4.2	Khả năng tự học và học tập suốt đời	3.0
2.4.3	Tư duy phản biện, sáng tạo	3.0
2.4.4	Tinh thần trách nhiệm trong công tác	3.0
2.4.5	Lối sống lành mạnh	3.0
2.4.6	Tính tích cực, tự giác, độc lập trong công việc	3.0
<b>2.5</b>	<b>Kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp</b>	
2.5.1	Yêu nghề, thích nghi với nghề nghiệp	3.0
2.5.2	Tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc	3.0
2.5.3	Ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp	3.0
2.5.4	Thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với mọi học sinh	3.0
<b>3</b>	<b>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>	
<b>3.1</b>	<b>Làm việc theo nhóm</b>	
3.1.1	<i>Hình thành</i> nhóm	3.0
3.1.2	<i>Tổ chức</i> hoạt động nhóm	3.0
3.1.3	<i>Phát triển</i> nhóm	3.0
3.1.4	<i>Lãnh đạo</i> nhóm	3.0
3.1.5	<i>Hoạt động</i> nhóm đa ngành	3.0
<b>3.2</b>	<b>Giao tiếp</b>	
3.2.1	<i>Xác định</i> chiến lược giao tiếp	3.0
3.2.2	<i>Phân tích</i> cấu trúc giao tiếp	3.0
3.2.3	Giao tiếp bằng văn bản	3.5
3.2.4	Giao tiếp đa phương tiện	3.5
3.2.5	Thuyết trình hiệu quả	3.0
<b>3.3</b>	<b>Giao tiếp sử dụng ngoại ngữ</b>	
3.3.1	Giao tiếp bằng tiếng Anh thông dụng	3.0
3.3.2	Hiểu tiếng Anh chuyên ngành	2.0

<b>4</b>	<b>NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC</b>	
<b>4.1</b>	<b>Nhận thức bối cảnh xã hội và giáo dục</b>	
4.1.1	<i>Xác định</i> vai trò và trách nhiệm của giáo viên tiểu học	3.0
4.1.2	<i>Phân tích</i> ảnh hưởng của giáo dục tiểu học đối với xã hội	3.0
4.1.3	<i>Phân tích</i> tác động của xã hội đối với giáo dục tiểu học	3.0
4.1.4	<i>Hiểu biết</i> lịch sử văn hóa địa phương	3.0
4.1.5	<i>Xác định</i> vai trò giáo dục tiểu học trong bối cảnh toàn cầu hóa	3.0
<b>4.2</b>	<b>Nhận thức bối cảnh nhà trường</b>	
4.2.1	<i>Nhận diện</i> bối cảnh giáo dục của nhà trường	2.5
4.2.2	<i>Hiểu biết</i> về vai trò, chức năng, hoạt động của nhà trường	3.0
4.2.3	<i>Xác định</i> được các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của nhà trường	3.0
<b>4.3</b>	<b>Hình thành ý tưởng</b>	
4.3.1	<i>Xác định</i> nhu cầu và thiết lập mục tiêu	3.0
4.3.2	<i>Phân tích</i> hướng nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện thực hiện mục tiêu	3.0
4.3.3	<i>Thiết kế</i> hình hóa quy trình thực hiện	3.0
4.3.4	<i>Dự kiến</i> hiệu quả ứng dụng	3.0
<b>4.4</b>	<b>Thiết kế</b>	
4.4.1	<i>Thiết kế</i> mục tiêu chương trình giáo dục cụ thể, khả thi	3.0
4.4.2	<i>Thiết kế</i> kế hoạch dạy học	3.5
4.4.3	<i>Thiết kế</i> kế hoạch giáo dục	3.5
4.4.4	<i>Thiết kế</i> kế hoạch đánh giá học sinh	3.5
4.4.5	<i>Thiết kế</i> nguồn học liệu	3.0
<b>4.5</b>	<b>Thực hiện</b>	
4.5.1	<i>Thực hiện</i> kế hoạch dạy học	3.5
4.5.2	<i>Thực hiện</i> kế hoạch giáo dục	3.5
4.5.3	<i>Giải quyết</i> tình huống giáo dục	3.5
4.5.4	<i>Lập và quản lý</i> hồ sơ giáo dục và giảng dạy	3.5
<b>4.6</b>	<b>Đánh giá</b>	
4.6.1	<i>Đánh giá</i> chương trình Giáo dục tiểu học	3.5
4.6.2	<i>Cải tiến</i> chương trình Giáo dục tiểu học	3.5

#### **IV. Nội dung chương trình đào tạo**

**4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy:** 125 tín chỉ, trong đó:

**4.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương:** 30 tín chỉ

*4.1.1.1. Kiến thức đại cương chung: 20 tín chỉ*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	5
2	Tiếng Anh 1	3
3	Tin học	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
6	Tiếng Anh 2	4
	Giáo dục Quốc phòng 1 (Đường lối quân sự)	(3)
	Giáo dục Quốc phòng 2 (Công tác QPAN)	(2)
	Giáo dục quốc phòng 3 (QS chung và chiến thuật; KT bắn súng....)	(3)
	Giáo dục thể chất	(5)
	<b>Tổng</b>	<b>20</b>

*4.1.1.2. Kiến thức đại cương khối ngành: 10 tín chỉ*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
7	Tâm lý học	4
8	Giáo dục học	4
9	Nhập môn ngành Sư phạm	2
	<b>Tổng</b>	<b>10</b>

*4.1.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 95 tín chỉ*

*4.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 45 tín chỉ*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
10	Toán cơ sở	3
11	Cơ sở tự nhiên xã hội	4
12	Việt ngữ học cơ sở	3
13	Văn học	3
14	<b>Tự chọn 1</b>	2
15	Tâm lý học giáo dục trẻ em	5
16	Giáo dục học tiểu học	4
17	Toán chuyên ngành	4
18	Phương pháp NCKH Giáo dục	3
19	Việt ngữ học hiện đại	3
20	Văn học thiếu nhi	3
21	<b>Tự chọn 2</b>	2
22	Giáo dục sức khỏe	4
23	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	2

	<b>Tổng</b>	<b>45</b>
--	-------------	-----------

4.1.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 50 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
24	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	5
25	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	5
26	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	5
27	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	3
28	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3
29	Âm nhạc và Phương pháp dạy học âm nhạc	5
30	Kỹ thuật và Phương pháp dạy học kỹ thuật	3
31	Mỹ thuật và Phương pháp dạy học Mỹ thuật	5
32	Phát triển chương trình Giáo dục tiểu học	2
33	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	2
34	<b>Tự chọn 3</b>	4
35	Thực hành phương pháp dạy học bộ môn	3
36	Thực tập sư phạm	5
	<b>Tổng</b>	<b>50</b>

4.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập, (T.hành) /Tự học	Chia theo năm/ học kỳ									
					Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4			
					Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8		
1	EDU20002	Cơ sở tự nhiên xã hội	4	45/15/120	x									
2	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30/15/90	x									
3	EDU20001	Nhập môn ngành sư phạm	2	25/5/60	x									
4	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	5	50/25/150	x									
5	EDU20003	Tâm lý học	4	45/15/120	x									
6	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	30/15/90		x								
7	EDU20006	Giáo dục học	4	45/15/120		x								
8	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	40/20/120		x								

9	INF20002	Tin học	3	30/(15)/90	x							
10	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20/10/60	x							
11	EDU20005	Việt ngữ học cơ sở	3	35/10/90	x							
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	(3)	45/0/90								
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	(2)	30/0/60								
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	(3)	15/(30)/90								
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15/(60)/150								
12	EDU20007	Tâm lý học giáo dục trẻ em	5	60/15/150		x						
13	EDU20008	Toán cơ sở	3	30/15/90		x						
14		<b>Tự chọn 1</b>	2			x						
15	EDU20009	Văn học thiếu nhi	3	35/10/90		x						
16	EDU30006	Việt ngữ học hiện đại	3	35/10/90		x						
17	EDU30014	Giáo dục học tiểu học	4	45/15/120			x					
18	EDU30023	Phương pháp NCKH giáo dục	3	36/9/90			x					
19	EDU30024	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	2	0/(30)/60			x					
20	EDU30027	Toán chuyên ngành	4	45/15/120			x					
21	EDU30029	Văn học	3	35/10/90			x					
22	EDU30032	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức	3	30/15/90				x				
23	EDU30033	Giáo dục sức khỏe	4	45/15/120				x				
24	EDU30038	Phương pháp dạy	5	65/(10)/150				x				



		học Tiếng Việt											
25	EDU30045	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3	30/(15)/90						x			
26		<b>Tự chọn 2</b>	2							x			
27	EDU30046	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc	5	45/(30)/150							x		
28	EDU30048	Phương pháp dạy học Toán	5	65/(10)/150							x		
29	EDU30049	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	5	65/(10)/150							x		
30	EDU30054	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	2	0/(30)/60							x		
31	EDU30064	Kỹ thuật và phương pháp dạy học kỹ thuật	3	35/(10)/90								x	
32	EDU30066	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	5	65/(10)/150								x	
33	EDU30068	Phát triển chương trình Giáo dục tiểu học	2	20/10/60								x	
34		<b>Tự chọn 3</b>	4									x	
35	EDU30080	Thực hành phương pháp dạy học bộ môn	3	0/(45)/90								x	
36	EDU30088	Thực tập sư phạm	5	0/(75)/150									x
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>125</b>										

### Tự chọn

#### Tự chọn 1: (Chọn 1 trong các học phần)

1	EDU30003	Ngữ dụng học	2	20/10/60						x			
2	EDU30004	Ngữ nghĩa học	2	20/10/60						x			
3	EDU30005	Từ Hán Việt	2	20/10/60						x			

#### Tự chọn 2: (Chọn 1 trong các học phần)

1	EDU30030	Cơ sở hình học và thống kê	2	20/10/60						x		
2	EDU30031	Đại số sơ cấp	2	20/10/60						x		
3	EDU30035	Hình học sơ cấp	2	20/10/60						x		

**Tự chọn 3: (Chọn 1 trong các học phần)**

1	EDU30007	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học và tư duy toán học cho học sinh	4	40/20/120								x
2	EDU30009	Công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học	4	40/20/120								x
3	EDU30011	Đánh giá kết quả học tập các môn Toán, Tiếng Việt và Tự nhiên - Xã hội	4	40/20/120								x
4	EDU30020	Kỹ thuật dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	4	40/20/120								x
5	SPO30006	Phương pháp dạy học thể dục và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh	4	40/20/120								x
6	EDU30026	Thực hành giải bài tập toán và tiếng Việt	4	40/20/120								x

**4.3. Mô tả học phần**

**4.3.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin**

- Môn học thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học, bao gồm các nội dung về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Môn học nhằm trang bị cho người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học, giúp người học nắm được các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản

xuất TBCN và chính trị xã hội; bồi dưỡng năng lực vận dụng lý luận Mác – Lênin vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

#### **4.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm có 8 chương bao gồm một hệ thống quan điểm, toàn diện về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của nước ta; là sự kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, xã hội và con người.

#### **4.3.3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam**

Môn học thuộc khối kiến cơ bản nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống những quan điểm chủ trương chính sách của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

#### **4.3.4. Nhập môn ngành Sư phạm**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngành Giáo dục và Đào tạo. Nội dung chính của học phần bao gồm những vấn đề: Quá trình phát triển của ngành Sư phạm Việt Nam; Quan điểm, đường lối phát triển giáo dục và đào tạo nước ta hiện nay; Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; Quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Quản lý cơ sở giáo dục; Vị trí, vai trò, chức năng của nhà giáo; Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo trong nhà trường hiện đại.

#### **4.3.5. Cơ sở Tự nhiên – Xã hội**

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ sở ngành cho sinh viên thuộc hai ngành đào tạo Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học, làm tiền đề cho các môn chuyên ngành như Dinh dưỡng học trẻ em, Phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh (ngành Giáo dục Mầm non) và Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2, Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học (ngành Giáo dục Tiểu học) và là cơ sở để SV vận dụng vào quá trình dạy học các môn về Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học.

#### **4.3.6. Tâm lý học**

Học phần Tâm lý học trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý học, về các hiện tượng cơ bản của đời sống tâm lý, nhân cách và sự phát triển tâm lý qua các lứa tuổi, cơ sở tâm lý học của quá trình dạy học và giáo dục, một số vấn đề về nhân cách người thầy giáo.

#### **4.3.7. Giáo dục học**

Môn học này bao gồm những vấn đề cơ bản của Giáo dục học (đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản, các phương pháp của Giáo dục học; các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; mục đích, nhiệm vụ giáo dục) và các vấn đề về lý luận dạy học và lý luận giáo dục (quá trình dạy học- giáo dục; nội dung, phương pháp, kiểm tra,

đánh giá kết quả dạy học- giáo dục; công tác chủ nhiệm lớp...)

#### **4.3.8. Tiếng Anh 1**

Học phần này dành cho sinh viên không chuyên ngữ trường Đại học Vinh sau khi đã qua được kì kiểm tra sát hạch đầu vào của nhà trường (bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ dành cho Việt Nam của Bộ GD & ĐT quy định (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu).

Học phần này người học được cung cấp một số kiến thức tiếng Anh cơ bản tổng quát, giúp họ rèn luyện các kĩ năng thực hành tiếng Anh nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc học phần sinh viên sẽ có nền tảng kiến thức để tiếp tục học phần Ngoại ngữ II (Tiếng Anh).

#### **4.3.9. Tiếng Anh 2**

Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ dành cho Việt Nam của Bộ GD & ĐT quy định (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu).

Qua học phần này sinh viên được cung cấp thêm một số vấn đề ngữ pháp cơ bản, được rèn luyện và củng cố các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết để đạt tới cấp độ cơ bản. Sinh viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách thành thạo hơn nhờ các kiến thức mở rộng hơn, nhất là từ vựng.

#### **4.3.10. Việt ngữ học cơ sở**

Học phần *Việt ngữ học cơ sở* nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt: vai trò, chức năng ngôn ngữ và đặc điểm loại hình tiếng Việt.
- Ngữ âm tiếng Việt: Các đơn vị ngữ âm, Âm tiết tiếng Việt, Hệ thống âm vị tiếng Việt, Chữ viết và chính tả tiếng Việt.
- Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt: Khái quát về từ, cấu tạo từ tiếng Việt, các lớp từ có quan hệ về âm hoặc nghĩa, các lớp từ phân loại theo nguồn gốc.
- Ngữ pháp tiếng Việt: từ loại tiếng Việt, cụm từ tiếng Việt, câu tiếng Việt

#### **4.3.11. Toán cơ sở**

- Học phần này được giảng dạy ở học kì 1 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học. Mục đích của môn học nhằm trang bị cho người học những kiến thức toán học cơ bản về lý thuyết tập hợp, logic toán, cấu trúc đại số mà cần thiết cho việc dạy học toán tiểu học. Những nội dung của học phần cũng là nền tảng cho việc lĩnh hội những kiến thức chuyên ngành toán khác phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu chuyên sâu về Toán ở Tiểu học.

- Những nội dung trong học phần này được thiết kế thành những module kiến thức độc lập, theo một trật tự logic. Việc học các mô đun kiến thức này tương đối độc lập.

- Nếu không học môn học này, sinh viên sẽ không có những kiến thức cơ sở cần thiết để có thể tiếp tục nghiên cứu những kiến thức toán học khác trong chương trình một cách hiệu

quả. Sinh viên cũng sẽ không có kiến thức toán học để hình thành năng lực phân tích, đánh giá phát triển chương trình, năng lực ứng dụng những đổi mới nội dung vào thực tiễn dạy học

#### **4.3.12. Văn học thiếu nhi**

Môn học *Văn học thiếu nhi* cung cấp những kiến thức *văn học thiếu nhi* gần gũi, thiết thực đối với trẻ em lứa tuổi từ 0 - 11 tuổi. Nội dung cơ bản của học phần gồm một số vấn đề khái quát về văn học thiếu nhi, các thể loại văn học dân gian có liên quan tới nhận thức của thiếu nhi, các tác giả văn học viết thiếu nhi tiêu biểu, một số nội dung chủ yếu của văn học thiếu nhi nước ngoài

#### **4.3.13. Ngữ dụng học (tự chọn 1)**

Chuyên đề *Ngữ dụng học* bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Khái quát về ngữ dụng học
- Sự chiếu vật
- Hành động ngôn ngữ
- Lý thuyết lập luận
- Lý thuyết hội thoại
- Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

Với những kiến thức này, sinh viên có thể áp dụng vào việc nghiên cứu và sử dụng các biện pháp phát triển năng lực giao tiếp cho HS thông qua các phân môn Tập làm văn, Tập đọc, Luyện từ và câu ở tiểu học.

#### **4.3.14. Ngữ nghĩa học (Tự chọn 1)**

Chuyên đề *Ngữ nghĩa học* bao gồm những nội dung sau:

- Các khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa và ngữ nghĩa học
- Nghĩa của từ
- Ý nghĩa của câu
- Ý nghĩa của văn bản
- Ngữ nghĩa học và việc dạy học tiếng Việt ở tiểu học

#### **4.3.15. Từ Hán Việt (Tự chọn 1)**

Chuyên đề từ Hán Việt bao gồm các nội dung sau đây:

- *Từ Hán Việt và vai trò của từ Hán Việt*, gồm: khái niệm về từ Hán Việt, các kiến thức về bối cảnh xã hội, nguồn gốc xuất hiện của lớp từ Hán Việt và vai trò của nó đối với ngôn ngữ và cuộc sống của người Việt.

- *Nhận diện từ Hán Việt*, gồm: nhận diện yếu tố gốc Hán, yếu tố Hán Việt, cách đọc Hán Việt, các biện pháp Việt hoá từ ngữ Hán và việc sử dụng từ Hán Việt trong giai đoạn hiện nay.

- *Ngữ nghĩa và phương pháp nắm nghĩa từ Hán Việt*, gồm: Ngữ nghĩa của từ Hán Việt, phương pháp, kỹ năng nắm nghĩa từ, thành ngữ Hán Việt.

- *Dạy học từ Hán Việt ở tiểu học*, gồm: dạy học từ Hán Việt qua phân môn *Luyện từ và câu*, dạy từ Hán Việt qua phân môn *Tập đọc*.

#### **4.3.16. Văn học**

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về những vấn đề khái quát của Văn học dân gian, Văn học trung đại và hiện đại Việt Nam; những kiến thức cơ bản hệ thống về những vấn đề khái quát của Lí luận văn học: Bản chất của văn học, Tác phẩm văn học, Phương pháp nghiên cứu văn học nhằm phục vụ cho quá trình dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

#### **4.3.17. Tâm lý học giáo dục trẻ em**

Tâm lý học giáo dục trẻ em là một môn khoa học nghiệp vụ, có chức năng cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ sở để hình thành và phát triển các năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên.

Học phần Tâm lý học giáo dục trẻ em trang bị cho người học những cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý trẻ em trong quá trình dạy học và giáo dục; Những kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về đặc điểm, qui luật và sự phát triển tâm lý trẻ em; Bản chất và những qui luật tâm lý của quá trình dạy học, giáo dục; Sự hỗ trợ tâm lý trong trường học; Đặc trưng lao động sư phạm, chuẩn nghề nghiệp và con đường hình thành nhân cách sư phạm của người giáo viên.

Học phần Tâm lý học giáo dục trẻ em giúp người học hình thành kỹ năng lựa chọn và sử dụng được các phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý trẻ em tiểu học trong quá trình dạy học và giáo dục; Có khả năng vận dụng các phạm trù, khái niệm cơ bản của tâm lý học giáo dục trẻ em để đánh giá, giải thích được một cách khoa học các hiện tượng tâm lý nảy sinh ở trẻ em trong cuộc sống và trong dạy học, giáo dục; Vận dụng được các kiến thức đã lĩnh hội vào việc tổ chức cuộc sống, hoạt động dạy học và giáo dục trẻ em; Có khả năng tự đánh giá và tự tu dưỡng bản thân theo chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi của hoạt động sư phạm.

#### **4.3.18. Việt ngữ học hiện đại**

Học phần *Việt ngữ học hiện đại* nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Ngữ pháp chức năng tiếng Việt: cấu trúc đề - thuyết, cấu trúc vị từ - tham thể, cấu trúc thông báo của câu
- Ngữ pháp văn bản: Văn bản, liên kết trong văn bản, đoạn văn trong văn bản
- Phong cách ngôn ngữ học: các phong cách chức năng tiếng Việt, các biện pháp tu từ trong tiếng Việt.

#### **4.3.19. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục**

- Học phần *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục* đóng vai trò then chốt trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngành .
- Học phần này hình thành cho người học hệ thống tri thức lý thuyết và các kỹ năng cơ bản về cách thức thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, để người học có thể tự lực thực hiện và hoàn thành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục theo đúng yêu cầu chuyên môn

#### **4.3.20. Giáo dục sức khỏe**

- Học phần *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục* đóng vai trò then chốt trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngành .

- Học phần này hình thành cho người học hệ thống tri thức lý thuyết và các kỹ năng cơ bản về cách thức thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, để người học có thể tự lực thực hiện và hoàn thành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục theo đúng yêu cầu chuyên môn

#### **4.3.21. Giáo dục học tiểu học**

Học phần **Giáo dục học tiểu học** đóng vai trò then chốt trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này hình thành cho người học hệ thống tri thức về nhà trường Tiểu học, người giáo viên tiểu học; hệ thống tri thức lý thuyết và các kỹ năng cơ bản về cách thức tổ chức, thực hiện hoạt động dạy học ở Tiểu học; hệ thống tri thức lý thuyết và các kỹ năng cơ bản về cách thức tổ chức, thực hiện hoạt động giáo dục ở Tiểu học; hệ thống tri thức lý thuyết và các kỹ năng cơ bản về cách thức tổ chức, thực hiện hoạt động kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học. Có ý thức và khả năng nâng cao năng lực dạy học, giáo dục, đánh giá học sinh tiểu học.

#### **4.3.22. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1**

*Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1* là học phần thực hành, có tính đặc thù, đóng vai trò rất quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học. Sinh viên ứng dụng kiến thức từ các học phần *Tâm lý học đại cương, Tâm lý học giáo dục trẻ em, Giáo dục học, Giáo dục học Tiểu học* vào hoạt động thực tiễn ở nhà trường tiểu học, hình thành được (1) các tri thức thực tiễn về: nhà trường tiểu học, giáo viên tiểu học, học sinh tiểu học, công tác chủ nhiệm lớp, các hoạt động giáo dục và dạy học ở trường Tiểu học, sự ảnh hưởng của gia đình, địa phương đối với học sinh tiểu học; (2) các kỹ năng giáo dục học sinh tiểu học, gồm: nghiên cứu tâm lý học sinh, nghiên cứu đề tài khoa học giáo dục, lập và quản lý hồ sơ lớp chủ nhiệm; xây dựng, tổ chức thực hiện và điều chỉnh kế hoạch công tác; thiết kế, tổ chức và đánh giá việc tổ chức hoạt động giáo dục.

Ngoài ra, sinh viên cũng ứng dụng kiến thức của các học phần *Việt ngữ học cơ sở, Việt ngữ học hiện đại, Tự chọn 1, Cơ sở tự nhiên và xã hội, Toán cơ sở* vào đánh giá nội dung dạy học và nhận xét giờ dạy các môn học: Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội ở trường Tiểu học.

Tình cảm, khả năng thích ứng với nghề nghiệp, tình yêu thương học sinh; tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc khoa học, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp sư phạm; lối sống và ứng xử phù hợp của người giáo viên tiểu học cũng được hình thành qua học phần này.

#### **4.3.23. Đại số sơ cấp (Tự chọn 2)**

Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, học phần Đại số sơ cấp được giảng dạy sau khi sinh viên đã học học phần Toán cơ sở, Toán chuyên ngành. Đây là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo của ngành Giáo dục tiểu học. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức: Đại cương về phương trình và một số phương trình thường gặp; Hệ phương trình và một số hệ phương

trình thường gặp; Bất đẳng thức, bất phương trình và một số hệ bất phương trình thường gặp;

Môn học nhằm giúp sinh viên nắm vững những cơ sở khoa học của nội dung số học và nội dung yếu tố đại số thông qua học phần Đại số sơ cấp và xác định mối liên hệ giữa nội dung Đại số sơ cấp với nội dung môn toán ở cấp tiểu học để hiểu được chương trình, nội dung môn toán ở cấp tiểu học và biết cách thực hành giải toán ở cấp tiểu học

#### **4.3.24. Hình học sơ cấp (Tự chọn 2)**

- Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, học phần Hình học sơ cấp được giảng dạy sau khi sinh viên đã học học phần Toán cơ sở, Toán chuyên ngành. Đây là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo của ngành Giáo dục tiểu học. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức: Đường-mặt-khối trong không gian Oclit; Hình hình học- Đại lượng hình học- quan hệ hình học và Giải toán hình học ở tiểu học.

- Môn học nhằm giúp sinh viên nắm vững những cơ sở khoa học của nội dung yếu tố hình học thông qua học phần Hình học sơ cấp và xác định mối liên hệ giữa nội dung hình học sơ cấp với nội dung môn toán ở cấp tiểu học để hiểu được chương trình, nội dung môn toán ở cấp tiểu học. Biết cách thực hành giải toán hình học ở cấp tiểu học.

#### **4.3.25. Cơ sở hình học và thống kê (Tự chọn 2)**

- Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, môn học **này** thuộc học phần tự chọn 2 được giảng dạy sau khi sinh viên đã học môn Toán cơ sở, Toán chuyên ngành. Môn học này được thiết kế nhằm mục đích cung cấp nền tảng kiến thức cơ sở cho việc giảng dạy Hình học và Thống kê cho sinh viên sau khi tốt nghiệp; đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết cho việc học tập tốt các môn học tiếp theo trong chương trình như: Phương pháp dạy học toán, Thực hành giải toán ở tiểu học, Phát triển chương trình giáo dục tiểu học các học phần rèn nghề....

- Môn học nhằm giúp SV nắm vững những cơ sở toán học của hai mạch kiến thức Yếu tố hình học và Yếu tố thống kê ở tiểu học, từ đó có kỹ năng phân tích chương trình sách giáo khoa môn Toán và tổ chức các hoạt động dạy học Yếu tố hình học và Yếu tố thống kê đạt hiệu quả hơn, chuẩn bị cho nghề nghiệp dạy học sau này.

#### **4.3.26. Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức**

*Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng và các giá trị cần thiết để tổ chức có hiệu quả các hoạt động dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học.

Những kiến thức, kỹ năng này là cơ sở để sinh viên tiếp tục học tập và nghiên cứu các học phần *Tổ chức hoạt động trải nghiệm, Thực hành phương pháp dạy học bộ môn*; cụ thể là trang bị cơ sở lý luận và phương pháp tổ chức giáo dục các giá trị, các chuẩn mực đạo đức cho học sinh tiểu học.

#### **4.3.27. Toán chuyên ngành**



Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, môn học Toán chuyên ngành được giảng dạy ở học kỳ 4, sau khi sinh viên đã học môn Toán cơ sở và Nhập môn ngành sư phạm. Môn học này được thiết kế nhằm mục đích cung cấp nền tảng kiến thức cơ sở cho việc giảng dạy số học và đo lường cho sinh viên sau khi tốt nghiệp; đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết cho việc học tập tốt các môn học tiếp theo trong chương trình như: Phương pháp dạy học toán, Thực hành giải toán ở tiểu học, Phát triển chương trình giáo dục tiểu học các học phần rèn nghề....

Môn học này nhằm giúp các bạn sinh viên có cách nhìn tổng quát, hệ thống về sự hình thành và mở rộng của hệ thống các tập hợp số cùng với các quan hệ và những phép toán trên chúng; trang bị những kiến thức cơ bản về đại lượng, phép đo và hệ thống đơn vị đo đại lượng tương ứng; và hướng dẫn vận dụng những kiến thức này trong thực tế dạy học toán ở tiểu học.

#### **4.3.28. Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo**

“Tổ chức hoạt động trải nghiệm ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng và các giá trị cần thiết để tổ chức có hiệu quả các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học.

Học phần này trang bị những kiến thức nền tảng về: những cơ sở khoa học của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm và lí luận về phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở nhà trường tiểu học. Hình thành và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng: thiết kế mục tiêu, nội dung; triển khai, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo; thiết kế và sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học.

#### **4.3.29. Phương pháp dạy học tự nhiên xã hội**

Môn học này bao gồm những kiến thức cơ bản về mục tiêu, đặc điểm, nội dung chương trình, sách giáo khoa các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học; các phương pháp, phương tiện, các hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trong môn Tự nhiên - Xã hội . Môn học cũng dành thời lượng đáng kể để hướng dẫn giảng dạy các chủ đề, phân môn của các môn Tự nhiên - Xã hội , Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở tiểu học.

#### **4.3.30. Phát triển chương trình Giáo dục tiểu học**

Học phần **Phát triển chương trình Giáo dục tiểu học** cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản mang tính phương pháp luận về xây dựng và phát triển chương trình GDTH/ chương trình các môn học trên các mặt: mục tiêu, quan điểm, cách tiếp cận, phương pháp, mô hình, đổi mới chương trình, quy trình phát triển chương trình GDTH, đánh giá chương trình GDTH.

#### **4.3.31. Phương pháp dạy học Tiếng Việt**

Nội dung của môn học *Phương pháp dạy học tiếng Việt* bao gồm: những vấn đề chung về *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học* với tư cách là một khoa học, về môn học *Tiếng Việt* ở nhà trường tiểu học, về các nguyên tắc, phương pháp dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học. Đồng thời, còn là những kiến thức cụ thể về chương trình, SGK,

nguyên tắc, phương pháp dạy học và cách tổ chức dạy học các kiểu bài *Học văn, Tập viết, Chính tả, Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn, Kể chuyện* thuộc môn Tiếng Việt ở tiểu học. Môn học này còn cung cấp kiến thức về việc hướng dẫn tổ chức các hoạt động ngoại khoá tiếng Việt ở trường tiểu học.

#### **4.3.32. Phương pháp dạy học Toán**

Môn học bao gồm những kiến thức lý luận về bộ môn phương pháp dạy học toán ở tiểu học; Vị trí mục tiêu, nhiệm vụ và cấu trúc nội dung môn Toán ở tiểu học; Hệ thống các phương pháp dạy học toán ở tiểu học; Lập kế hoạch dạy học; Nội dung phương pháp dạy học: Số học, yếu tố hình học, đại lượng và phép đo đại lượng, yếu tố thống kê mô tả, giải toán có lời văn ở tiểu học.

#### **4.3.33. Âm nhạc và Phương pháp dạy học Âm nhạc**

Học phần Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết âm nhạc, phương pháp dạy học âm nhạc, các kỹ năng thực hành âm nhạc. Sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng được mục tiêu giáo dục âm nhạc ở trường Tiểu học.

Về kiến thức và kỹ năng:

- Kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc
- Kiến thức cơ bản về lý luận, phương pháp dạy học âm nhạc
- Kiến thức, kỹ năng cơ bản về thực hành ký xướng âm
- Kiến thức, kỹ năng cơ bản về hát
- Kiến thức, kỹ năng cơ bản về thực hành đàn organ
- Kiến thức, kỹ năng cơ bản về chỉ huy hát tập thể

#### **4.3.34. Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật**

Mỹ thuật là môn học giúp trẻ phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo, giúp trẻ cảm nhận cái đẹp, yêu cái đẹp và phát triển toàn diện cho trẻ nhằm đạt được mục tiêu giáo dục chung. Vì vậy, mỹ thuật và Phương pháp dạy học mỹ thuật là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Giáo dục tiểu học. Gồm hai khối kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết:

- Mỹ thuật: gồm Thường thức Mỹ thuật, Luật xa gà, Giải phẫu tạo hình, Hình hoạ, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc. Mỹ thuật là nội dung tiên quyết của phương pháp dạy học Mỹ thuật.
- Phương pháp dạy học Mỹ thuật: gồm mục tiêu, cấu trúc, nội dung chương trình sách giáo khoa Mỹ thuật ở tiểu học.
- Phương pháp chung và phương pháp dạy học các phần học Mỹ thuật cụ thể, Giáo án và hình thức tổ chức dạy học Mỹ thuật...

#### **4.3.35. Kỹ thuật và phương pháp dạy học Kỹ thuật**

Môn Kỹ thuật là một môn học quan trọng và có nhiều kiến thức, kỹ năng giúp các em có thể áp dụng vào thực tế cuộc sống hằng ngày. Vì vậy, Kỹ thuật và phương pháp dạy học kỹ thuật là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Giáo dục tiểu học gồm hai khối kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết là:

Kỹ thuật gồm: Kỹ thuật tạo hình bằng giấy bìa, kỹ thuật làm đồ chơi, kỹ thuật phục vụ, lắp ghép mô hình kỹ thuật, kỹ thuật trồng rau, hoa và chăn nuôi gà.

Phương pháp dạy học kỹ thuật gồm mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình sách giáo khoa Kỹ thuật ở tiểu học. Phương pháp chung và phương pháp dạy học các phần Kỹ thuật cụ thể. Giáo án và hình thức tổ chức dạy học Kỹ thuật ...

#### **4.3.36. Thực hành giải bài tập Toán và Tiếng Việt (Tự chọn 3)**

- Học phần này được giảng dạy ở học kì 7 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học, sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức toán học cơ bản và phương pháp về toán tiểu học.

- Mục đích của môn học nhằm rèn luyện và phát triển kỹ năng giải toán ở tiểu học cho sinh viên, chuẩn bị cho nghề nghiệp dạy học sau này. Phát triển năng lực giải toán sẽ nâng cao chất lượng dạy học toán ở tiểu học.

- Học phần này được cấu trúc thành hai chuyên đề độc lập gồm: Thực hành giải Toán ở tiểu học và Thực hành bài tập Tiếng Việt ở tiểu học.

- Sau khi học môn học này, sinh viên sẽ có kỹ năng thành thạo trong giải bài tập toán.

#### **4.3.37. Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học và tư duy toán học cho học sinh (Tự chọn 3)**

- Học phần này được giảng dạy ở học kì 7 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học. sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức toán học cơ bản và phương pháp về toán tiểu học.

- Mục đích của môn học nhằm giúp SV có kỹ năng bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học và rèn luyện, phát triển tư duy logic toán cho HS tiểu học, chuẩn bị cho nghề nghiệp dạy học sau này.

- Học phần này được cấu trúc thành hai chuyên đề độc lập gồm: Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HS TH và Rèn luyện tư duy logic toán cho HS tiểu học

- Sau khi học môn học này, sinh viên sẽ có kỹ năng thành thạo trong Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HS TH và Rèn luyện tư duy logic toán cho HS tiểu học

#### **4.3.38. Công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học (Tự chọn 3)**

« Công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở nhà trường tiểu học » là học phần thuộc khối các học phần tự chọn 3 trong chương trình đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học. Mục đích học phần giúp sinh viên có nhận thức, kỹ năng và hệ giá trị cần thiết để tổ chức tốt công tác chủ nhiệm và sinh hoạt chuyên môn ở Tiểu học. Nội dung của học phần « Công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở nhà trường tiểu học » bao gồm: nhiệm vụ, chức năng, nội dung, cách thức và các yêu cầu về phẩm chất và năng lực cần thiết để thực hiện công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở nhà trường Tiểu học. Ngoài ra, học phần còn tạo điều kiện cho sinh viên thực hành, luyện tập tổ chức các hoạt động chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn gắn với thực tế ở trường phổ thông.

- Học phần này được giảng dạy ở học kì 7 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu

học sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức toán học, tiếng Việt, văn học cơ bản, cơ sở tự nhiên xã hội và các học phần phương pháp dạy học (Toán, Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên xã hội, Mỹ thuật, Kỹ thuật, Âm nhạc).

#### **4.3.39. Kỹ thuật dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (Tự chọn 3)**

- Mục đích của môn học giúp SV có được các kỹ thuật dạy học tích cực và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học nhằm tích cực hóa hoạt động học tập và phát triển tính sáng tạo của người học, chuẩn bị cho thực hành nghề nghiệp sau này.

- Học phần này được cấu trúc thành hai nội dung gồm: 1/ Các kỹ thuật dạy học tích cực; 2/ Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

- Sau khi học môn học này, sinh viên sẽ có kỹ năng sử dụng thành thạo một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, biết sử dụng, vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào các phần mềm công cụ, phần mềm dạy học tích cực trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học ở tiểu học.

#### **4.3.40. Phương pháp dạy học thể dục và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh (Tự chọn 3)**

Học phần này được giảng dạy ở học kỳ 7 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất phần chung

- Mục đích của môn học nhằm giúp sinh viên có kỹ năng về phương pháp giáo dục thể chất cho học sinh tại trường tiểu học, chuẩn bị cho thực hành nghề nghiệp sau này

- Học phần này được cấu trúc thành hai chuyên đề độc lập gồm: Phương pháp dạy học thể dục cho học sinh và Tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học.

- Sau khi học môn này, sinh viên sẽ có kỹ năng thành thạo trong việc phát triển thể chất và tăng cường sức khỏe cho học sinh tiểu học.

#### **4.3.41. Đánh giá kết quả học tập môn Toán, Tiếng Việt và Tự nhiên – Xã hội (Tự chọn 3)**

Trang bị hệ thống lý luận về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học; các định hướng đổi mới, các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học; kỹ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học. Vận dụng các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh vào quá trình dạy học môn Toán, Tự nhiên- xã hội và Tiếng Việt ở tiểu học

#### **4.3.42. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2**

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 là học phần thực hành, thuộc học kỳ 6 chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học. Ở học phần này, sinh viên được ứng dụng kiến thức từ các học phần phương pháp dạy học, cụ thể là: *Phương pháp dạy học tiếng Việt, Phương pháp dạy học Toán, Phương pháp dạy học các môn Tự nhiên và xã hội, Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức, Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc, Tổ chức hoạt động trải nghiệm* vào hoạt động thực tiễn ở nhà trường tiểu học, hình thành được (1) các tri thức thực

tiền về dạy học các môn học và tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học; (2) các kỹ năng dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục ở tiểu học, gồm: kỹ năng phân tích chương trình - SGK, lập kế hoạch dạy học, tổ chức giờ học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS, phụ đạo HS yếu, bồi dưỡng HS có năng khiếu; kỹ năng thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học, ứng dụng CNTT trong dạy học; kỹ năng viết chữ đẹp và trình bày bảng; kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm. Đồng thời, củng cố các kỹ năng đã được hình thành từ học phần *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1*. (3) Tình cảm, khả năng thích ứng với nghề nghiệp, tình yêu thương học sinh; tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc khoa học, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp sư phạm; lối sống và ứng xử phù hợp của người giáo viên tiểu học cũng được hình thành qua học phần này.

#### **4.3.43. Thực hành phương pháp dạy học bộ môn**

Học phần **Thực hành phương pháp dạy học bộ môn** nhằm củng cố cho sinh viên những tri thức cơ bản mang tính phương pháp luận về phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học. Đặc biệt, học phần này giúp SV thực hành rèn luyện kỹ năng dạy học các môn học trên các mặt: mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới nội dung, chương trình, Phương pháp dạy học giáo dục tiểu học, ứng dụng CNTT và phương tiện, kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học các môn học ở tiểu học.

#### **V. Ma trận các kỹ năng**

*(có bản Excel kèm theo)*

#### **VI. Cách thức đánh giá kết quả học tập**

##### **6.1. Thang điểm đánh giá: 10**

##### **6.2. Quy định về cách thức đánh giá:**

##### **(1). Phương thức đánh giá ý thức học tập**

Phương thức đánh giá ý thức học tập của SV qua quá trình học được dựa trên hai yếu tố, gồm: Điểm chuyên cần (*thể hiện qua thời lượng SV tham dự giờ học trên lớp*) và Thái độ, ý thức học tập (*thể hiện qua kết quả của hoạt động tự học ngoài giờ lên lớp*).

Cụ thể:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ của học phần mới đủ điều kiện dự thi;
- Để đánh giá kết quả tự học ngoài giờ lên lớp, các buổi học sẽ có hình thức kiểm tra bài cũ (trong thời gian từ 5-7 phút) bằng các câu hỏi trắc nghiệm hoặc vấn đáp. Mỗi lần sẽ có từ 3- 4 SV được gọi ngẫu nhiên lên bảng và trả lời câu hỏi trắc nghiệm được chuẩn bị sẵn với nội dung bám sát theo nội dung đã yêu cầu SV tự học ở buổi trước đó. Mỗi SV trả lời 05 câu hỏi trắc nghiệm hoặc 01 câu hỏi vấn đáp và được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10.

- Điểm đánh giá quá trình học tập được tính bằng cách:

Điểm quá trình học = Điểm chuyên cần x 0,3 + Điểm đánh giá kết quả tự học x 0.7

Điểm đánh giá ý thức học tập được tính trọng số là 10%.

##### **(2). Điểm đánh giá hồ sơ học phần dưới hình thức bài tập/ báo cáo nhóm**

a) Bài tập nhóm dưới hình thức thảo luận nhóm:

➤ *Đánh giá kết quả hoạt động nhóm*

Trong các giờ học có hoạt động thảo luận nhóm, mỗi nhóm sẽ được đánh giá kết quả bằng điểm số chung dựa trên những tiêu chí trong bảng sau:

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		A	B	C
	Nội dung thảo luận nhóm	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin theo yêu cầu, giàu tính sáng tạo, có sự liên hệ thực tế.	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin theo yêu cầu.	Nội dung cơ bản đúng với chủ đề được giao nhưng còn sơ sài, còn thiếu nhiều thông tin theo yêu cầu.
<i>Điểm tối đa: 5</i>		<i>5 điểm</i>	<i>3.0 điểm</i>	<i>2 điểm</i>
II	Sự tương tác giữa các nhóm	Có sự tương tác cao với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có nhiều ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Có sự tương tác với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Không có sự tương tác với các nhóm khác.
<i>Điểm tối đa: 3</i>		<i>3.0 điểm</i>	<i>2.0 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>
III	Thái độ và kỹ năng làm việc nhóm	Tất cả các thành viên đều tham gia vào hoạt động nhóm, có trên 50% thành viên của nhóm có hoạt động tương tác cao với các nhóm khác.	Chỉ có 30 - 70% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm, có dưới 50% thành viên của nhóm có hoạt động tương tác với các nhóm khác.	Dưới 30% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm.
<i>Điểm tối đa: 2</i>		<i>2 điểm</i>	<i>1.5 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>

➤ *Đánh giá cá nhân trong nhóm*

Nhóm trưởng của mỗi nhóm sẽ đánh giá và cho điểm từng cá nhân dựa trên mức độ tham gia và đóng góp vào hoạt động nhóm. Trung bình cộng điểm của các thành viên bằng số điểm chung của nhóm do GV đánh giá. Điểm đánh giá hồ sơ học phần ở nội dung này của mỗi SV được tính bằng con điểm trung bình cộng của tất cả những lần có bài tập/ báo cáo nhóm.

**Ví dụ:** Nhóm 1 có 6 thành viên, điểm đánh giá chung của nhóm là 8 điểm. Thành viên A trong nhóm có nhiều đóng góp nổi bật hơn, được nhóm trưởng đánh giá 9 điểm, thành viên B tham gia vào hoạt động nhóm còn ít, được đánh giá 7 điểm, các thành viên còn lại đều đạt điểm 8. Trung bình cộng điểm của cả nhóm vẫn là 8 điểm.

Qua 5 lần có bài tập/ báo cáo nhóm trong các hoạt động trên lớp, sinh viên A có số điểm lần lượt là 9, 8, 8, 7, 8. Như vậy, điểm đánh giá hồ sơ học phần của sinh viên A sẽ là 8 điểm, chiếm trọng số 10%.

b) Báo cáo viết và báo cáo thuyết trình nhóm

Nội dung này được dùng để đánh giá bài tập nhóm thuộc nội dung chuẩn đầu ra G3.2. Cách thức cho điểm các thành viên trong nhóm cũng tương tự như ở hoạt động nhóm trên lớp. Điểm ở nội dung này được tính trọng số là 10%.

**(3). Đánh giá định kỳ**

Sẽ có tối đa 02 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung mỗi bài tương ứng theo nội dung đánh giá định kỳ. Bài kiểm tra có 30 câu hỏi trắc nghiệm, thời gian làm bài là 35 phút. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm số bài kiểm tra được tính trọng số là 20%.

**(4). Đánh giá cuối kỳ**

- Hình thức thứ nhất:

Bài thi tự luận đánh giá kết quả cuối kỳ sẽ có trong Ngân hàng câu hỏi, thời gian làm bài là 120 phút. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc chuyển từ điểm số sang điểm chữ được thực hiện tự động trên phần mềm quản lý điểm. Điểm đánh giá cuối kỳ được tính trọng số là 50%.

- Hình thức thứ hai:

Bài kiểm tra trắc nghiệm có 40 câu hỏi đối với học phần 2 tín chỉ, 50 câu đối với học phần 3 tín chỉ và 60 câu đối với học phần 4 tín chỉ trở lên, thời gian làm bài là 50 phút đối với học phần 2 tín chỉ, 60 phút đối với học phần 3 tín chỉ và 70 phút đối với học phần 4 tín chỉ trở lên. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm số bài kiểm tra được tính trọng số là 50%.

- Hình thức thứ ba:

Thực hiện đồ án HP theo nhóm. Điểm số đồ án học phần được tính trọng số là 50%.

- Hình thức thứ tư:

Đối với các học phần thi thực hành trên máy tính: 60 phút đối với các học phần dưới 4 tín chỉ; 75 phút đối với các học phần 4 tín chỉ trở lên. Điểm số đồ án học phần được tính trọng số là 50%.

Đối với thi vấn đáp: sinh viên trả lời từ 7 đến 12 phút

**VII. Điều kiện thực hiện chương trình**

**7.1. Đội ngũ giảng viên**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Chu Thị Thủy An, Phó trưởng khoa	PGS, 2009	TS, Việt Nam, 1996	Ngôn ngữ học	7 học phần, 21 tín chỉ
2.	Chu Thị Hà Thanh, Trưởng bộ môn GDTH		TS, Việt Nam, 2004	Văn học	7 học phần, 21 tín chỉ
3.	Nguyễn Thị Châu Giang, Phó trưởng khoa		TS, Việt Nam, 2009	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7 học phần, 21 tín chỉ

4.	Nguyễn Tiến Dũng		TS, CHND Đức, 2014	Toán học	7 học phần, 21 tín chỉ
5.	Nguyễn Thị Phương Nhung A		TS, Việt Nam, 2017	Giáo dục học	7 học phần, 21 tín chỉ
6.	Nguyễn Thị Phương Nhung B		ThS, Việt Nam, 2009	Toán học	7 học phần, 21 tín chỉ
7.	Thái Mạnh Thủy		ThS, Việt Nam, 2014	Giáo dục học (bậc tiểu học)	1 học phần, 5 tín chỉ
8.	Nguyễn Thị Thanh Giang		ThS, Việt Nam, 2014	Giáo dục học (bậc tiểu học)	1 học phần, 3 tín chỉ
9.	Phan Anh Tuấn		ThS, Việt Nam, 2014	Sinh học	3 học phần, 10 tín chỉ
10.	Võ Trọng Vinh		ThS, Việt Nam, 2014	Âm nhạc	1 học phần, 5 tín chỉ
11.	Dương Thị Thanh Thanh, Trưởng bộ môn Tâm lý học		TS, Việt Nam, 2014	Tâm lý học	2 học phần, 9 tín chỉ
12.	Nguyễn Thị Hương	PGS, 2004	TS, Việt Nam, 1996	Tâm lý học	3 học phần, 14 tín chỉ
13.	Chu Trọng Tuấn		ThS, Việt Nam, 1996	Giáo dục học	3 học phần, 11 tín chỉ
14.	Nguyễn Trung Kiên		ThS, Việt Nam, 1996	Giáo dục học	3 học phần, 11 tín chỉ
15.	Lê Thực Anh		TS, Việt Nam, 2015	Tâm lý học	2 học phần, 9 tín chỉ
16.	Nguyễn Như An	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	1 học phần, 2 tín chỉ
17.	Nguyễn Thị Thu Hằng		TS, Việt Nam, 2018	Quản lý Giáo dục	1 học phần, 2 tín chỉ
18.	Bùi Văn Hùng		TS, Việt Nam, 2016	Giáo dục học	1 học phần, 2 tín chỉ

## 7.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (dùng chung toàn trường);
- Phòng thực hành Đàn organ; Phòng thực hành Mỹ thuật
- Trường Thực hành sư phạm Đại học Vinh là cơ sở chính để SV ngành GDTh được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm
- Ký túc xá (dùng chung toàn trường);



- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao,... (dùng chung toàn trường);

### **VIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Khi xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, phải tuân thủ các quy trình một cách chặt chẽ: xây dựng chuẩn đầu ra, thiết kế khung chương trình và cách chuyển tải nó trong thực tiễn, đồng thời đánh giá kết quả học tập cũng như toàn bộ chương trình đào tạo. Vì vậy khi triển khai thực hiện cần thể hiện rõ sự liên kết logic giữa các khâu của quá trình đào tạo

- Xu hướng của đào tạo Đại học ngày nay là chuyển từ đào tạo chuyên ngành quá hẹp sang bảo đảm một nền giáo dục đại cương đủ rộng tạo điều kiện cho việc tiếp thu tốt các học phần chuyên ngành, chuẩn bị cho sinh viên có đủ tiềm lực thích ứng với những phát triển mới của ngành nghề được đào tạo. Nội dung đào tạo Đại học không quá dàn trải mà phải có một vài mặt nâng cao, đi sâu hơn, tạo điều kiện cho sinh viên có thể học cao hơn nữa, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực.

*Nghệ An, ngày ..... tháng ..... năm .....*

**HIỆU TRƯỞNG**